

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2023/HS-ST
Ngày 20 tháng 4 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Phương;

- Ông Lê Châu Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2023/HSST ngày 24 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HS ngày 05/4/2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn X, sinh năm 1989, nơi sinh huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 02, khóm HA Bình, phường Vĩnh Mỹ, thành phố K, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Khưu Thị K, sinh năm 1956; vợ tên Trần Thị Kim H, sinh năm 1990, con có 02 người, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011; anh chị em có 05 người, bị cáo là người thứ ba.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 30/11/2022 tại nhà tạm giữ Công an thành phố K cho đến nay, có mặt phiên tòa;

Bị hại:

- Ông Nguyễn Văn LQ, sinh năm 1979, nơi cư trú: tổ 14, ấp Mỹ An, xã VC, thành phố K, tỉnh An Giang (có mặt);

- Ông Nguyễn Văn Lượm, sinh năm 1997, nơi cư trú: tổ 02, khóm HA Bình, phường Vĩnh Mỹ, thành phố K, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Thị Thùy FG, sinh năm 1977, nơi cư trú: số 99 đường Châu Long, tổ 39, khóm CL2, phường TRB, thành phố K, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Ông Ngụy Vĩnh Hy, sinh năm 1977, nơi cư trú: tổ 19, khóm CL7, phường TRB, thành phố K, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Bà Khuru Thị LQ, sinh năm 1964, nơi cư trú: tổ 02, khóm HA Bình, phường Vĩnh Mỹ, thành phố K, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Quốc HA, sinh năm 1991, nơi cư trú: số 349, đường Mậu Thân, tổ 02, khóm HA Bình, phường Vĩnh Mỹ, thành phố K, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị HI, sinh năm 1977, nơi cư trú: khóm CL8, phường TRB, thành phố K, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Ông Mai Văn TR, sinh năm 1978, nơi cư trú: tổ 10, khóm CL5, phường TRB, thành phố K, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ 1: Khoảng 08 giờ ngày 09/9/2022, Tuấn X đi bộ đến khu vực tổ 05, khóm HA Bình, phường Vĩnh Mỹ, thành phố K, phát hiện có nhiều xe mô tô đậu trong sân trạm xăng “Đắc Lợi”; trong đó, có xe mô tô biển số 67AD – 009.68, trên xe có buộc 01 cây xà beng bằng kim loại (tổng trị giá 3.540.000 đồng), của Nguyễn Văn LQ, xe không khóa, không người trông giữ, Tuấn X đi đến lấy xe dẫn ra ngoài, câu điện trực tiếp, về nhà Khuru Thị LQ (mẹ ruột Tuấn X), tổ 02, khóm HA Bình, phường Vĩnh Mỹ, thành phố K, cất giấu chờ tiêu thụ. Phát hiện mất trộm, LQ đến Cơ quan Công an trình báo, trên đường đi, phát hiện xe tại nhà LQ, trình báo công an, thu hồi xe, mời làm việc, Tuấn X thừa nhận hành vi lấy trộm.

Vụ 2: Khoảng 18 giờ ngày 28/11/2022, Tuấn X đi bộ đến khu vực tổ 02, khóm HA Bình, phường Vĩnh Mỹ, thành phố K, phát hiện xe mô tô biển số 67AD – 026.53, màu sơn xanh (trị giá 2.500.000 đồng), của Nguyễn Văn Lượm đậu trước nhà, có sẵn chìa khóa, không người trông giữ, Tuấn X lên đến dẫn xe của Lượm ra ngoài, điều khiển đến nhà trọ đang thuê ở khu vực Búng Bình Thiên, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Kiểm tra xe thấy trong cốp xe có để Giấy chứng nhận đăng ký xe, sợ bị phát hiện, Tuấn X dùng chai nước sơn màu trắng, băng keo đen thay đổi màu sơn xe và biển số xe của Lượm, đem đến vừa phế liệu tại khóm CL2, phường TRB, thành phố K, bán cho Võ Thị Thùy FG được 600.000 đồng, mua ma túy sử dụng, tiêu xài 540.000 đồng, còn lại 60.000 đồng

và Giấy chứng nhận đăng ký xe, Tuấn X tiếp tục cất giấu. Phát hiện mất trộm, Lượm trình báo Công an, mời làm việc, Tuấn X thừa nhận lấy trộm, giao nộp vật chứng. Cơ quan Công an tiến hành thu hồi được xe trên.

Vật chứng thu giữ: Xe mô tô, hiệu ESPERO, màu đỏ - đen, 01 cây xà beng kim loại (tài sản của bị hại Nguyễn Văn LQ, đã trao trả cho LQ); 01 xe mô tô nhãn hiệu DAEEHAN, màu sơn trắng, biển số 67AD – 026.53 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, tên Mai Văn TR (tài sản của bị hại Nguyễn Văn Lượm, đã trao trả Lượm); tiền Việt Nam 60.000 đồng; 02 đĩa DVD lưu trữ đoạn Video Clip ghi lại diễn biến Nguyễn Tuấn X lấy trộm xe mô tô của Nguyễn Văn LQ và Nguyễn Văn Lượm (đã bàn giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự).

Các kết luận định giá tài sản số 609/KL-ĐG ngày 23/9/2022, số 903/KL-ĐG ngày 20/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố K, ghi nhận:

- 01 xe mô tô, hiệu ESPERO, loại 50, màu sơn đỏ - đen, biển số 67AD – 009.68, trị giá 3.500.000 đồng; 01 cây xà beng, trị giá 40.000 đồng, tổng cộng 3.540.000 đồng (tài sản của bị hại Nguyễn Văn LQ).

- 01 xe mô tô, hiệu DAEEHAN, loại 50, màu xanh (đã thay đổi màu trắng), biển số 67AD – 026.53, trị giá 2.500.000 đồng (tài sản của bị hại Nguyễn Văn Lượm).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K, khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bắt tạm giam Nguyễn Tuấn X, để điều tra xử lý;

Cáo trạng số 36/CT-VKSCĐ-HS ngày 24 tháng 3 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố Nguyễn Tuấn X về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015,

Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận do cần tiền để mua ma túy sử dụng, nên đã thực hiện hành vi phạm tội, như nội dung vụ án.

Tại cơ quan điều tra, ông LQ khai: Đã nhận lại tài sản mất trộm 01 xe mô tô, hiệu ESPERO, loại 50, màu sơn đỏ - đen, biển số 67AD – 009.68; 01 cây xà beng, yêu cầu xử lý hình sự theo luật định; ông Lượm khai: Đã nhận lại tài sản mất trộm 01 xe mô tô, hiệu DAEEHAN, loại 50, màu xanh (đã thay đổi màu trắng), biển số 67AD – 026.53, yêu cầu xử lý hình sự theo luật định. Bà FG khai: sau khi biết xe mô tô biển số 67AD – 026.53 của Nguyễn Tuấn X bán cho bà FG là tài sản lấy trộm bà FG đã giao nộp cho Cơ quan Công an, không yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn X trả lại tiền giao dịch.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Tuấn X khai nhận, do cần tiền để mua ma túy sử dụng nên bị cáo đã thực hiện 02 lần hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Văn LQ, trị giá 3.540.000 đồng và Nguyễn Văn Lượm, trị giá 2.500.000 đồng như nội dung vụ án đã nêu. Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Thay mặt Hội đồng xét xử Thẩm phán chủ tọa phiên tòa công bố lời khai người bị hại; người tham gia tố tụng khác vắng mặt phiên tòa;

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác liên quan đến vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, nên có cơ sở xác định bị cáo đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại, lén lút chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Văn LQ, trị giá 3.540.000 đồng và Nguyễn Văn Lượm, trị giá 2.500.000 đồng, **nên đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội; giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố.**

Bị cáo đã có nhân thân xấu (bị kết án 01 năm 06 tháng tù năm 2018; bị áp dụng biện pháp giáo dục tại phường về sử dụng trái phép chất ma túy), bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ thuộc thành phần lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Tuấn X từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù;

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu, nên không xem xét trong vụ án này;

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, 47 và Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Giao trả số tiền 60.000 (sáu mươi ngàn) đồng cho bị cáo;
- Tiếp tục lưu giữ hồ sơ vụ án đĩa 02 DVD ghi hình ảnh bị cáo phạm tội;

Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí; nghĩa vụ, trách nhiệm thi hành án; quy định quyền kháng cáo của bị cáo, của đương sự trong vụ án theo quy định tại Điều 135; 136; 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị Quyết 326 của Quốc hội;

Đối với Võ Thị Thùy FG mua xe mô tô của bị cáo, nhưng không biết xe do phạm tội mà có. Tuy không xử lý hình sự nhưng cần giáo dục tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại, người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa và đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung,

[3] Hành vi phạm tội:

Qua đối chiếu lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác, vật chứng vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và thẩm tra công khai tại phiên tòa, có căn cứ xác định: Khoảng 08 giờ ngày 09/9/2022, lợi dụng sự sơ hở của bị hại Nguyễn Văn LQ, bị cáo Tuấn X đã lén lút lấy trộm tài sản, trị giá 3.540.000 đồng; khoảng 18 giờ ngày 28/11/2022, lợi dụng sự sơ hở của bị hại Nguyễn Văn Lượm, bị cáo Tuấn X đã lén lút lấy trộm tài sản trị giá 2.500.000 đồng;

Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Do đó cáo trạng số 36/CT-VKSCĐ-HS ngày 24/3/2023 của Viện kiểm sát thành phố K truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng đối với con người. Để được sở hữu tài sản người lao động phải trải qua quá trình lao động vất vả có thể qua nhiều thế hệ mới tạo lập được. Cho nên, quyền sở hữu được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Bị cáo đang ở tuổi lao động, đáng lẽ phải cố gắng lao động tạo ra tài sản chính đáng cho bản thân. Tuy nhiên, bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người khác, lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, trước đó bị cáo đã bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không hối cải, thể hiện sự xem thường pháp luật không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người, mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó cần có mức án nghiêm, cách

ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian nhất định để đảm bảo tính rắn
đề, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm
hình sự phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật
hình sự;

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành
khẩn khai báo, thuộc thành phần lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế,
bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ được quy
định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét áp
dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo trong khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, không
có nghề nghiệp ổn định, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu, nên không đề cập
xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Tố tụng
Hình sự và Điều 106 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét.

Xét thấy, số tiền 60.000 đồng là tiền thu lợi bất chính trong việc bán xe
mô tô cho bà Võ Thị Thùy FG được 600.000 đồng, bị cáo đã mua ma túy sử
dụng còn lại 60.000 đồng. Xét tịch thu sung quỹ Nhà nước;

Đối với 02 đĩa DVD ghi lại hành vi phạm tội của bị cáo. Xét tiếp tục lưu
giữ hồ sơ vụ án;

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ
thẩm và được kháng cáo theo luật định.

[9] Các vấn đề khác: Việc bà Võ Thị Thùy FG đã mua xe mô tô do bị cáo
lén lút trộm mà có. Quá trình điều tra, truy tố cho thấy bà FG không biết xe do
bị cáo trộm, nên cơ quan điều tra không truy tố là có cơ sở. Tuy nhiên, cũng cần
cảnh cáo và giáo dục bà Võ Thị Thùy FG tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g
khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;*

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Tuấn X phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn X 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù; Thời
hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt 30/11/2022
(ngày ba mươi, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm hai mươi hai).

*2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm
2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự
2015;*

- Tiếp tục lưu giữ hồ sơ vụ án 02 đĩa DVD có nội dung ghi lại hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Tuấn X (đã lưu hồ sơ vụ án);

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 60.000 (sáu mươi ngàn) đồng;

(Theo biên bản giao vật chứng ngày 14/4/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K).

3. Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn X phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại Nguyễn Văn LQ có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn Lượm và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Thùy FG được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh.
- Sở Tư pháp.
- Viện KSND thành phố.
- Nhà Tạm giữ.
- Phòng hồ sơ.
- Thi hành án DS thành phố.
- Bộ phận THA Tòa án.
- UBND cấp xã nơi BC cư trú.
- Bị cáo.
- Bị hại.
- Người liên quan.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức